ASEAN SECURITIES
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

# DAILY MARKET REVIEW

Ngày 23.01.2024

## PHIÊN ĐIỀU CHỈNH THỨ 2 CỦA NHÓM NGÂN HÀNG, THỊ TRƯỜNG TIẾP TỤC TÍCH LŨY

### Diễn biến chỉ số VN-INDEX

| Chỉ số | Close | Thay đổi | Tỉ lệ (%) | Khối lượng |
|---|---|---|---|---|
| VNI | 1177.5 | -5.36 | -0.45 | 683.71 |
| HNX | 229.26 | -0.51 | -0.22 | 68.70 |
| UPCOM | 87.45 | -0.27 | -0.31 | 38.57 |
| VN30 | 1183.85 | -5.71 | -0.48 | 234.93 |
| HNX30 | 486.21 | -1.59 | -0.33 | 45.49 |

*(*): Khối lượng : triệu cổ phiếu*

### Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số

### Quan điểm đầu tư

Thị trường ngày 23/01 chứng kiến một phiên điều chỉnh nhẹ, khối lượng giao dịch nằm ở ngưỡng trung bình 1 tuần (-19% so với phiên trước). Chủ yếu lực bán đến từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng Quốc doanh như VCB, BID, CTG ghi nhận mức giảm ngưỡng 2% trong phiên, cuối phiên lực cầu quay trở lại nhóm cổ phiếu này và góp phần giúp chỉ số phục hồi trở lại. Độ rộng nhịp điều chỉnh không lớn và hầu hết các cổ phiếu chỉ ghi nhận mức giảm ngưỡng 1% trong phiên ngày hôm nay. Chúng tôi cho rằng thị trường tiếp tục trong pha tích lũy, nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.

### Diễn biến thị trường

Chỉ số VNINDEX điều chỉnh -5.36 điểm (-0.45%) về lại mốc 1,177.50 điểm. Nhóm Ngân hàng có 2 phiên liên tiếp có sự điều chỉnh nhưng mức điều chỉnh cũng không quá lớn và vẫn duy trì được xu hướng tăng cho thấy trạng thái thị trường vẫn tiếp tục có dòng dẫn dắt. Trong phiên các nhóm cổ phiếu Midcap như: Cảng, Vận tải, Đầu tư công là nhóm các cổ phiếu luân phiên nhận được sự quan tâm của dòng tiền, bên cạnh đó nhóm Chứng khoán và Bất động sản cũng chỉ chứng kiến nhịp điều chỉnh <1% cho thấy lực cung của các nhóm này cũng không còn lớn.

## Giao dịch khối ngoại trên sàn HOSE

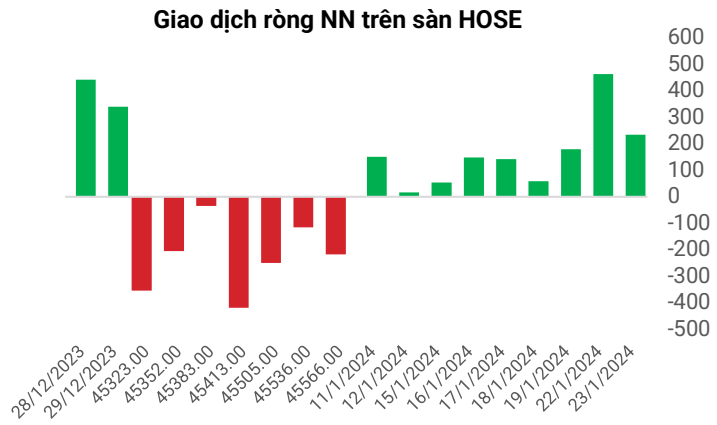


*Nguồn: stockbiz.vn, AseanSC tổng hợp*

## Diễn biến thị trường

Khối ngoại mua ròng mạnh vào cuối phiên tập trung vào cuối phiên chiều, ghi nhận phiên thứ 9 tiếp tiếp mua ròng với giá trị 234.41 tỷ VND trên sàn HOSE. Tập trung vào các cổ phiếu như STB (135 tỷ VND), VCG (112.5 tỷ VND), HCM (67.3 tỷ VND).

## Tín hiệu kỹ thuật

| Chỉ báo | Ý nghĩa | Trạng thái |
|---|---|---|
| EMA6- EMA20 | Xu hướng | Up |
| MFI | Dòng tiền | 77.16 |
| RSI | Động lượng | 70.46 |
| Kháng cự | 1,190 | 1,211 |
| Hỗ trợ | 1,172 | 1,163 |

| Phái sinh | Giá | Volume | OI |
|---|---|---|---|
| VN30F2409 | 1,184.0 | 340 | 250 |
| VN30F2406 | 1,182.3 | 690 | 4,720 |
| VN30F2402 | 1,184.0 | 1,796,950 | 545,190 |
| VN30F2403 | 1,185.0 | 3,150 | 15,690 |

## Nhận định thị trường

Thị trường có nhịp điều chỉnh trong phiên test lại đường hỗ trợ EMA 6. Tín hiệu tạo đỉnh vẫn chưa có sự xác nhận trên thị trường, khi lực cầu tiếp tục xuất hiện vào cuối phiên nâng đỡ chỉ số tại những vùng quan trọng. Thị trường vẫn chưa có tín hiệu xác nhận vùng đỉnh. Song các yếu tố động lượng có thấy khối lượng đang không đi cùng với điểm số gia tăng của thị trường.

Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, cân nhắc mua vào nếu có những nhịp rung lắc tại ngưỡng 1,160 điểm và cân nhắc hạ tỷ trọng tài khoản khi điểm số vượt ngưỡng 1,195 - 1,211 (trading gap cũ).

## Top giao dịch khối ngoại trong ngày

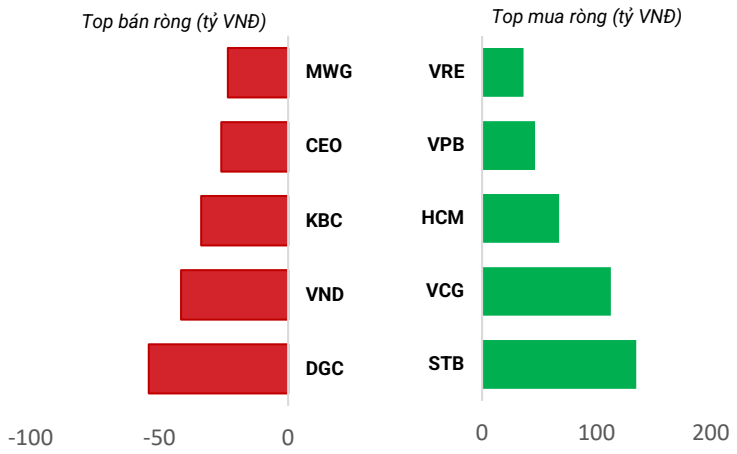


## Độ rộng thị trường

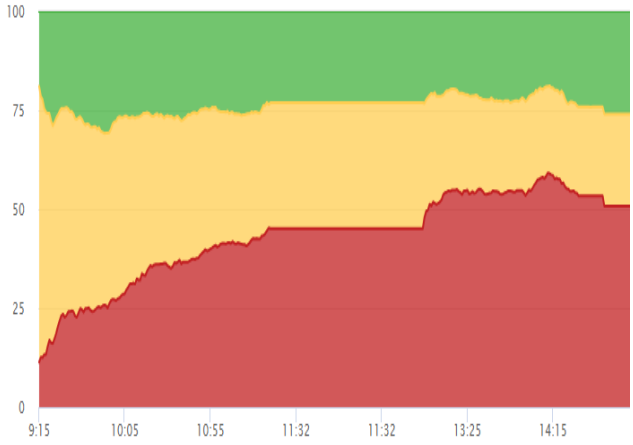


## Diễn biến chỉ số nhóm ngành trong ngày (%)

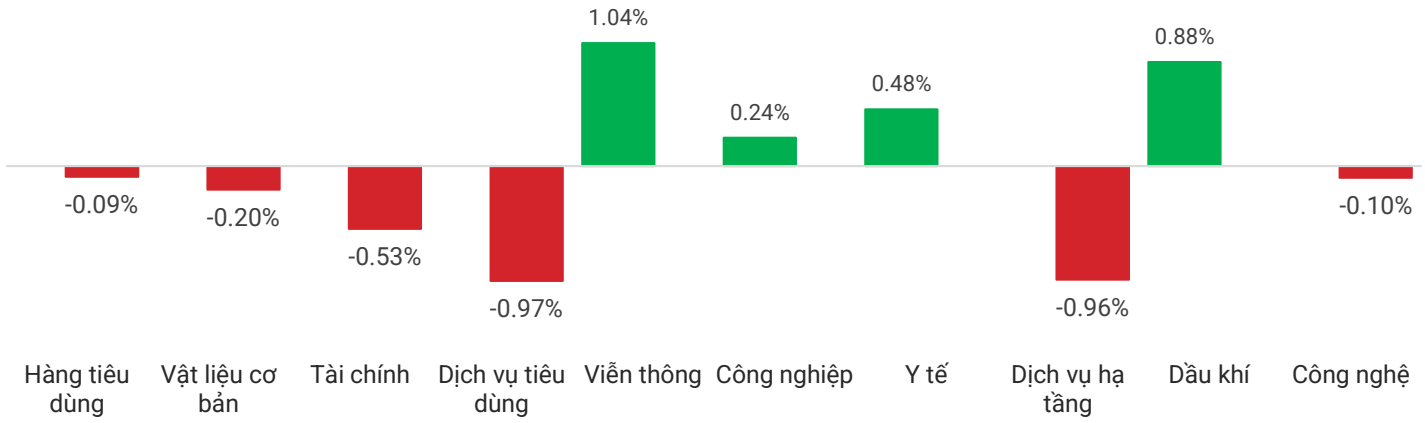


## Top tăng điểm HSX

| STT | Mã | Khối lượng | Giá | % Tăng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | PSH | 743,000 | 8.1 | +0.53 (+6.97%) |
| 2 | TVB | 2,119,000 | 7.1 | +0.46 (+6.97%) |
| 3 | CCI | 400 | 22.3 | +1.45 (+6.95%) |
| 4 | HCD | 2,736,800 | 8.8 | +0.57 (+6.93%) |
| 5 | SSC | 1,900 | 31.7 | +2.05 (+6.93%) |

## Top giảm điểm HSX

| Mã | Khối lượng | Giá | % Giảm |
|---|---|---|---|
| TTE | 500 | 12.10 | -0.9 (-6.92%) |
| LGC | 100 | 60.60 | -4.5 (-6.91%) |
| SFC | 10,700 | 20.40 | -1.5 (-6.85%) |
| SMA | 7,600 | 8.39 | -0.61 (-6.78%) |
| HU1 | 9,500 | 6.36 | -0.44 (-6.47%) |

## Tin tức

*1. Khẩn trương xây dựng thông tư hướng dẫn chi tiết thực hiện Luật Đất đai (sửa đổi).*
*2. Tỷ lệ dư nợ ký quỹ trên thị trường chứng khoán lập đỉnh mới dù Index còn cách xa bờ.*
*3. Xuất khẩu thép HRC gấp 2.6 lần năm 2022.*
*4. Các nhà sản xuất và bán lẻ châu Âu lâm vào khó khăn do khủng hoảng ở Biển Đỏ.*
*5. Kỳ vọng Fed hạ lãi suất vào tháng 3/2024 giảm dần.*

| CHỈ SỐ VÀ HÀNG HÓA THẾ GIỚI | | | |
|---|---|---|---|
| Chỉ số | Giá | Thay đổi | %thay đổi |
| Dow Jones | 38,001.81 | 138.01 | 0.36% |
| Dollar Index | 102.88 | -0.238 | -0.23% |
| Gold | 2,031.95 | 9.75 | 0.48% |
| Brent Oil | 80.31 | 0.25 | 0.31% |

(*) Thông tin chỉ số thế giới:

- Chỉ số Dow Jones tăng 138.01, tương đương 0.36% lên mức 38,001.81 điểm.
- Chỉ số Dollar Index giảm -0.238, tương đương -0.23% xuống mức 102.88 điểm.

| Tỷ giá trong nước | Hôm nay | | Hôm trước | |
|---|---|---|---|---|
| | Mua vào | Bán ra | Mua vào | Bán ra |
| USD | 24,360.00 | 24,730.00 | 24,335 | 24,705 |
| EUR | 26,052.79 | 27,482.77 | 26,062 | 27,493 |
| GBP | 30,436.80 | 31,732.25 | 30,379 | 31,673 |
| JPY | 160.67 | 170.06 | 161 | 170 |

(**) Thông tin tỷ giá trong nước:

Phiên ngày Thứ Ba (23/01) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam niêm yết:

- Tỷ giá đô la Mỹ: Mua vào 24,360.00 VND/USD; bán ra 24,730.00 VND/USD.
- Tỷ giá đồng Euro: Mua vào 26,052.79 VND/EUR; bán ra 27,482.77 VND/EUR.
- Tỷ giá Bảng Anh: Mua vào 30,436.80 VND/GBP; bán ra 31,732.25 VND/GBP.

| THÔNG TIN SỰ KIỆN DOANH NGHIỆP | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Mã CK | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Sự kiện |
| VHC | 19/02/2024 | 20/02/2024 | 29/02/2024 | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 20% |
| PAC | 31/01/2024 | 01/02/2024 | 28/02/2024 | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, tỷ lệ 5% |
| CLC | 29/01/2024 | 30/01/2024 | 28/02/2024 | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, tỷ lệ 15% |
| MH3 | 29/01/2024 | 30/01/2024 | 10/04/2024 | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, tỷ lệ 7% |
| APF | 24/01/2024 | 25/01/2024 | 23/02/2024 | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, tỷ lệ 20% |
| BDT | 24/01/2024 | 25/01/2024 | 06/02/2024 | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, tỷ lệ 6.48% |
| SBM | 24/01/2024 | 25/01/2024 | 05/02/2024 | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10% |
| ASG | 24/01/2024 | 25/01/2024 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 20% |
| SAF | 23/01/2024 | 24/01/2024 | 01/02/2024 | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 30% |

## *Khuyến cáo*

Bản báo cáo thị trường này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này đồng thời bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Bản báo cáo này được giữ bản quyền ASEANSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

*Website: www.aseansc.com.vn*

**Hội sở chính**

Tầng 4,5,6,7 – số 3 Đặng Thái Thân

Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: 024 6275 8668

Tổng đài đặt lệnh: 024 6275 8888

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 2 - số 77-79 Phó Đức Chính,

Phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Tel: 028 3933 0308

Tổng đài đặt lệnh: 028 3933 0309

**Ngày 23.01.2024**

Phiên điều chỉnh thứ 2

https://seastock.aseansc.com.vn/trade/priceboard/AAA

Dữ liêu file excel

0

Source: Top ảnh hưởng chỉ số

| Mã cổ phiếu | Ảnh hưởng tă |
|---|---|
| TCB | 0.44 |
| BCM | 0.21 |
| PNJ | 0.18 |
| HAG | 0.16 |
| PC1 | 0.14 |
| VNM | -0.31 |
| BID | -0.56 |
| CTG | -0.59 |
| VCB | -0.68 |
| VHM | -0.69 |

| | Tích lũy tháng |
|---|---|
| | -1500.9696 |

| | Mua ròng |
|---|---|
| STB | 134.78 |
| VCG | 112.72 |
| HCM | 67.3 |
| VPB | 46.39 |
| VRE | 36.13 |
| Mã | Bán ròng |
| DGC | -54.13 |
| VND | -41.53 |
| KBC | -33.79 |
| CEO | -25.9 |
| MWG | -23.41 |

File chỉ số chung

23/1/2024
22/1/2024

https://s.cafef.vn/du-lieu.chn#data

| |
|---|
| 19/1/2024 |
| 18/1/2024 |
| 17/1/2024 |
| 16/1/2024 |
| 15/1/2024 |
| 12/1/2024 |
| 11/1/2024 |
| 45566.00 |
| 45536.00 |
| 45505.00 |
| 45413.00 |
| 45383.00 |
| 45352.00 |
| 45323.00 |
| 29/12/2023 |
| 28/12/2023 |

https://fireant.vn/dashboard

| |
|---|
| Hàng tiêu dùr |
| Vật liệu cơ bả |
| Tài chính |
| Dịch vụ tiêu d |
| Viễn thông |
| Công nghiệp |
| Y tế |
| Dịch vụ hạ tầr |
| Dầu khí |
| Công nghệ |

https://s.cafef.vn/du-lieu.chn#data

| Mã |
|---|
| PSH |
| TVB |
| CCI |
| HCD |
| SSC |
| TTE |
| LGC |
| SFC |
| SMA |
| HU1 |

#N/A

(*) Thông tin chỉ số thế giới:  - Chỉ số Do

#N/A .

Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP
Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,500 đồng/CP
Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 700 đồng/CP
Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 2,000 đồng/CP
Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 648 đồng/CP
Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP
Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:20, giá 10,000 đồng/CP
Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 3,000 đồng/CP

| HOSE | Date full | Mua ròng | Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 234.406412 | 23.1.2024 | 234.41 | 0 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VNM | 14.88 | 75.2 | -0.6 (-0.79%) |
| 2 | DGW | 14.11 | 58.2 | -1.5 (-2.51%) |
| 3 | VCB | 13.97 | 86.1 | -0.5 (-0.58%) |
| 4 | BSR | 13.23 | 21.5 | +0.5 (+2.38%) |
| 5 | SGN | 11.48 | 70.5 | 0 (0%) |
| 6 | STB | 6.58 | 30.2 | -1.3 (-4.13%) |
| 7 | BMP | 5.91 | 89.1 | -3 (-3.26%) |
| 8 | KDH | 4.54 | 31.7 | -0.3 (-0.94%) |
| 9 | CEO | 4.25 | 20.5 | -0.4 (-1.91%) |
| 10 | PVD | 3.9 | 28.7 | +0.25 (+0.88%) |

| | |
|---|---|
| 234.41 | 0.00 |
| 462.81 | 0.00 |

| | |
|---|---|
| 179.23 | 0.00 |
| 59.28 | 0.00 |
| 142.20 | 0.00 |
| 148.60 | 0.00 |
| 54.00 | 0.00 |
| 16.71 | 0.00 |
| 151.06 | 0.00 |
| 0.00 | -217.14 |
| 0.00 | -115.34 |
| 0.00 | -249.29 |
| 0.00 | -419.09 |
| 0.00 | -34.68 |
| 0.00 | -204.99 |
| 0.00 | -354.02 |
| 339.55 | 0.00 |
| 442.35 | 0.00 |

| Tăng | Giảm | |
|---|---|---|
| #N/A | -0.09% | -0.09 |
| #N/A | -0.20% | -0.2 |
| #N/A | -0.53% | -0.53 |
| #N/A | -0.97% | -0.97 |
| 1.04% | #N/A | 1.04 |
| 0.24% | #N/A | 0.24 |
| 0.48% | #N/A | 0.48 |
| #N/A | -0.96% | -0.96 |
| 0.88% | #N/A | 0.88 |
| #N/A | -0.10% | -0.1 |

| Khối lượng | Giá | %Tăng/ giảm |
|---|---|---|
| 743000 | 8.13 | +0.53 (+6.97%) |
| 2119000 | 7.06 | +0.46 (+6.97%) |
| 400 | 22.3 | +1.45 (+6.95%) |
| 2736800 | 8.79 | +0.57 (+6.93%) |
| 1900 | 31.65 | +2.05 (+6.93%) |
| 500 | 12.1 | -0.9 (-6.92%) |
| 100 | 60.6 | -4.5 (-6.91%) |
| 10700 | 20.4 | -1.5 (-6.85%) |
| 7600 | 8.39 | -0.61 (-6.78%) |
| 9500 | 6.36 | -0.44 (-6.47%) |

| Tăng giá | |
|---|---|
| 1 | PSH |
| 2 | TVB |
| 3 | CCI |
| 4 | HCD |
| 5 | SSC |
| 6 | HNG |
| 7 | TNI |
| 8 | PC1 |
| 9 | APC |
| 10 | VTO |

Dear anh/ chị,

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bản tin ngày 23 | Bản tin ngà 23.01.2024 | Vn-Index | - | 5.36 |

PHIÊN ĐIỀU CHỈ .
Tổng hợp thị tru .

Chỉ số VNINDEX .

Khối ngoại mua .

ow Jones tăng 138.01, tương đương 0.36% lên mức 38,001.81 điểm.  - Chỉ số Dollar Index giảm -0.238, tương đương -0.

Nhận định của A .

Thị trường ngày 23/01 chứng kiến một phiên điều chỉnh nhẹ, khối lượng giao dịch nằm ở ngưỡng trung bình 1 tuần (-19

(*) Thông tin chỉ .

(**) Thông tin tỷ .

#N/A

Trân trọng !

| | | |
|---|---|---|
| Kết thúc phiên | Kết thúc ph | Kết thúc phiên<br>chỉ số VNINDE<br>, không đổi |
| | Khối lượng | Khối lượng kho |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | MWG | -141.3 | 48.6 | -0.9 (-1.82%) |
| 2 | FPT | -93.62 | 96.8 | +0.7 (+0.73%) |
| 3 | FUEVFVND | -87.37 | 26.04 | -0.43 (-1.62%) |
| 4 | SSI | -62.04 | 32.1 | -1.45 (-4.32%) |
| 5 | VPB | -61.99 | 22.5 | +0.55 (+2.51%) |
| 6 | HPG | -44.88 | 25 | -0.75 (-2.91%) |
| 7 | VHM | -43.61 | 45.55 | -1.35 (-2.88%) |
| 8 | VND | -39.03 | 20.95 | -1.05 (-4.77%) |
| 9 | SHS | -31.69 | 17.7 | -0.5 (-2.75%) |
| 10 | HCM | -23.86 | 30.15 | -1.25 (-3.98%) |

| | | |
|---|---|---|
| Nhóm ngành ( | Nhóm ngàr | 0 |
| | 0.00 | %, tiếp đến là c |
| | 0.00 | %. |
| | 0 | và |
| | 0.00 | % |
| | %. | |

| Khối lượng | Giá | %Tăng/ giảm |
|---|---|---|
| 743,000 | 8.13 | +0.53 (+6.97%) |
| 2,119,000 | 7.06 | +0.46 (+6.97%) |
| 400 | 22.3 | +1.45 (+6.95%) |
| 2,736,800 | 8.79 | +0.57 (+6.93%) |
| 1,900 | 31.65 | +2.05 (+6.93%) |
| 8,271,300 | 4.96 | +0.32 (+6.9%) |
| 288,700 | 2.85 | +0.18 (+6.74%) |
| 8,485,200 | 28.25 | +1.75 (+6.6%) |
| 52,900 | 9.48 | +0.58 (+6.52%) |
| 1,405,400 | 10.1 | +0.6 (+6.32%) |

| Giảm giá | | Khối lượng | Giá | %Tăng/ giảm |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TTE | 500 | 12.1 | -0.9 (-6.92%) |
| 2 | LGC | 100 | 60.6 | -4.5 (-6.91%) |
| 3 | SFC | 10,700 | 20.4 | -1.5 (-6.85%) |
| 4 | SMA | 7,600 | 8.39 | -0.61 (-6.78%) |
| 5 | HU1 | 9,500 | 6.36 | -0.44 (-6.47%) |
| 6 | PIT | 14,800 | 6 | -0.34 (-5.36%) |
| 7 | VDP | 500 | 37 | -2 (-5.13%) |
| 8 | FUCVREIT | 100 | 6.95 | -0.28 (-3.87%) |
| 9 | TCD | 2,542,000 | 7.55 | -0.3 (-3.82%) |
| 10 | PET | 1,651,000 | 25.5 | -0.95 (-3.59%) |

| | |
|---|---|
| điểm | 1177.5 |

23% xuống mức 102.88 điểm.(**) Thông tin tỷ giá trong nước: Phiên ngày Thứ Ba (23/01) Ngân hàng Thương mại Cổ p

)% so với phiên trước). Chủ yếu lực bán đến từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng Quốc doanh như VCB, BID, CTG ghi nhận mứ

Thứ Ba (23/0´,
0.00
0 điểm, tương đương mức
0.00 %.
0.00 riệu cổ phiếu,

tăng tích cực đạt
0 với
Trong khi đó, các nhóm
0 giảm sâu nhất với lần lượt
và 0.00

phần Ngoại thương Việt Nam niêm yết:  - Tỷ giá đô la Mỹ: Mua vào 24,360.00 VND/USD; bán ra 24,730.00 VND/USD.  - Tỷ

ức giảm ngưỡng 2% trong phiên, cuối phiên lực cầu quay trở lại nhóm cổ phiếu này và góp phần giúp chỉ số phục hồi trở l

ỷ giá đồng Euro: Mua vào 26,052.79 VND/EUR; bán ra 27,482.77 VND/EUR.  - Tỷ giá Bảng Anh: Mua vào 30,436.80 VND/GBP; bán

ại. Độ rộng nhịp điều chỉnh không lớn và hầu hết các cổ phiếu chỉ ghi nhận mức giảm ngưỡng 1% trong phiên ngày hôm nay. Chứ

ng tôi cho rằng thị trường tiếp tục trong pha tích lũy, nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.